TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/ DS-PT
Ngày: 03/3/2023
V/v Tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thắm.

Bà Võ Thị Hồng Thu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2023/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: 1. Ông Hồ Văn Q, sinh năm 1962 (có mặt).

2. Phạm Thị H, sinh năm 1963 (có mặt).

Cùng cư trú: Thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1942; cư trú: Tổ dân phố 01, thị trấn Y, huyện C, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có đơn đề nghị vắng mặt)

Trụ sở: Thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T, chức cụ: Công chức Địa chính xã B.

2. Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Bình Định; địa chỉ: Số 185 Đ, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Th, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách (có đơn đề nghị vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1946; Cư trú: Tổ dân phố 01, thị trấn Y, huyện Ch, tỉnh Gia Lai (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông Huỳnh Văn M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hồ Văn Q và bà Phạm Thị H thống nhất cùng trình bày:

Vào năm 1983, vợ chồng ông bà mua nhà của bà Bùi Thị Ng ở đội 3, thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Sau khi mua nhà, bà Ng cho vợ chồng ông bà diện tích khoảng 01 hecta đất rẫy tại thửa đất 134, tờ bản đồ 30 ở thôn Th Hạnh, xã B, huyện T. Năm 1988, ông Huỳnh Văn M có hùn vốn với vợ chồng ông bà mua cây Bạch đàn về trồng trên diện tích đất nói trên. Từ khi trồng đến nay, vợ chồng ông bà đã khai thác 03 lần, mỗi lần đều chia đôi số tiền bán Bạch đàn cho ông M, cụ thể: Bán cây lần đầu (không nhớ thời gian, người mua) đưa ông M số tiền là 800.000đ; bán cây lần hai (không nhớ thời gian, người mua) đưa cho ông M số tiền là 400.000đ; lần ba bán cây cho ông H (đã chết) ở thôn Tr, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định được 2.500.000đ đưa cho ông M 1.000.000đ.

Ông M đi lập nghiệp ở nơi xa từ năm 1990 không về. Số cây Bạch đàn do vợ chồng ông bà chăm sóc, bảo quản.

Số cây trồng trên diện tích đất nêu trên, ngày 18/6/2013 Hội đồng định giá tài sản huyện T định giá với số tiền 18.896.000đ. Sau khi định giá, nhà nước quy hoạch đường kênh mương đi qua trên đất nên được đền bù cây cối hoa màu trên đất với số tiền 3.056.000đ nhưng do có sự tranh chấp nên Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện T tạm giữ số tiền này. Ngày 01/6/2022 Tòa án thành lập Hội đồng định giá lần 2, số cây còn lại có giá trị 79.720.459đ.

Số cây đang tranh chấp nêu trên, hiện vợ chồng ông bà quản lý. Giá trị tài sản tranh chấp mà Hội đồng định giá lần 2 cũng như số tiền được đền bù mà Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T đang tạm giữ thì vợ chồng ông bà yêu cầu chia 2: Vợ chồng ông bà ½, ông M ½.

Đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30 ở đội 3, thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định thì vợ chồng ông bà rút yêu cầu tranh chấp, vì đất này của Nhà nước thuộc sự quản lý của UBND xã B.

Đối với yêu cầu phản tố của ông M yêu cầu vợ chồng ông phải trả cho ông M số tiền ba lần bán cây trừ số tiền đã đưa ông M 2.200.000đ, còn phải đưa tiếp cho ông M 33.800.000đ là không đúng sự thật vì khi bán được bao nhiêu tiền thì đều chia cho ông M ½ và ông M nhận tiền không có ý kiến gì.

Bị đơn ông Huỳnh Văn M trình bày:

Vào năm 1989, bà Bùi Thị Ng có cho ông 01 thửa đất diện tích khoảng 01 hecta (nay là thửa số 134, tờ bản đồ 30, diện tích 9.503m^2 ở thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định). Ông mua 2.000 cây Bạch đàn trồng trên diện tích đất này. Thời gian sau đó năm 1990 gia đình ông chuyển đi Gia Lai sinh sống nên có nhờ vợ

chồng ông bà Hồ Văn Q – Phạm Thị H trông coi giúp và hứa khi khai thác sẽ trả cho ông bà H – Q 20% giá trị bán được. Nhưng lợi dụng ông ở xa nên vợ chồng ông bà Q – H đã bán số cây Bạch đàn nói trên là 03 lần, mỗi lần theo ông khoản 12.000.000đ theo giá ông đưa ra vì ông không biết bán cho ai và bán bao nhiêu tiền. Vợ chồng ông bà Q – H đưa cho ông tổng cộng ba lần tiền, lần 01 đưa 800.000đ, lần 02 đưa 400.000đ và lần 03 đưa 1.000.000đ.

Thửa đất nói trên, ngày 30/3/2009, ông và UBND xã B có ký hợp đồng cho thuê đất công ích với nội dung: UBND xã B cho ông thuê đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ 30, diện tích 9.503m^2 ở thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định với thời hạn thuê là 05 năm, từ 28/02/2010 đến 28/02/2015; hàng năm ông đều nộp thuế đầy đủ cho UBND xã B.

Vào ngày 23/5/2013, ông có nhận tiền bồi thường thiệt hại, hỗ trợ của Nhà nước về việc thu hồi đất để xây dựng hệ thống kênh mương Văn Phong đi ngang qua thửa đất ông trồng Bạch đàn nói trên với số tiền là 2.753.000đ (theo bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 10/5/2013).

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông bà Q – H phải trả cho ông số tiền ông bà Q – H đã tự ý khai thác và bán cho người khác ba lần bán là 36.000.000đ, trừ số tiền đã đưa ông là 2.200.000đ, còn phải đưa tiếp cho ông số tiền là 33.800.000 đồng. Việc vợ chồng ông bà Q – H ba lần bán cây với số tiền 36.000.000đ do ông tự đưa ra giá mà không có chứng cứ để cung cấp cho tòa. Ông yêu cầu được sở hữu số cây trồng trên đất nêu trên.

Ông thống nhất số cây trong diện tích đất nêu trên có giá trị như Hội đồng định giá lần 2 xác định và số tiền đền bù mà Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện T đang giữ, ông chỉ chấp nhận trả công chăm sóc cho vợ chồng ông Q, bà H 20% giá trị cây trồng hiện nay.

Đối với hợp đồng thuê thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30 ở đội 3, thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định đã hết hạn, ông trả lại đất cho UBND xã B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà là vợ ông Huỳnh Văn M. Bà thống nhất lời khai của ông M không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã B do ông Trần Quốc T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Diện tích 9.503m^2 tại thửa đất 134, tờ bản đồ 30 ở thôn Th, xã B, huyên T, tỉnh Bình Định là đất công ích do UBND xã B quản lý. Năm 1989, UBND xã B có thông báo cho vợ chồng ông bà Q – H và ông M đến xã để ký hợp đồng cho thuê đất, nhưng chỉ có mình ông M đến. Số cây Bạch đàn đã trồng trên đất đa số là do ông M trồng nên ngày 30/3/2009 UBND xã B ký hợp đồng cho ông M thuê thửa đất nói trên với thời hạn thuê là 05 năm, từ 28/02/2010 đến 28/02/2015. Việc vợ chồng ông bà Q – H cho rằng: Vào năm 1983, sau khi vợ chồng ông bà mua nhà thổ cư vườn ở của bà Bùi Thị Ng, bà Ng cho vợ chồng ông bà diện tích khoảng 01 hecta đất rẫy có tục danh rẫy bà Ng (đây là thửa đất 134, tờ bản đồ 30) là không có cơ sở; vì năm 1994, khi Nhà nước có chủ trương cân đối diện tích đất để cấp cho các hộ dân thì vợ chồng ông Q bà H cũng đã được cấp đất ở địa điểm khác. Vì thửa đất nói trên cho ông M thuê nên khi đền bù tiền kênh mương thì ông M nhận số

tiền này.

Hợp đồng ông M thuê đất đã hết, yêu cầu Tòa án giải quyết số cây trồng trên đất mà hai bên tranh chấp để ông M trả lại diện tích đất tại thửa đất số 134, tờ bản đồ 30 ở thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định cho UBND xã B quản lý. Đối với số cây trồng trên đất diện tích đất nêu trên, ngày 18/6/2013 Hội đồng định giá tài sản huyện T định giá với số tiền 18.896.000đ. Sau đó nhà nước quy hoạch đường kênh mương đi qua trên đất nên được đền bù cây cối hoa màu trên đất với số tiền 3.056.000đ. Do có sự tranh chấp nên số tiền này hiện Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T tạm giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Bình Định do ông Đỗ Th đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 26/10/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Trạm bơm Chà Rang Bình Thuận tại Quyết định số 278/QĐ-SKHĐT. Trên cơ sở đó, Hội đồng bồi thường GPMB huyện T tiến hành thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định để tiến hành xây dựng công trình: Trạm bơm Chà Rang Bình Thuận.

Việc xây dựng công trình trên có ảnh hưởng cây cối hoa màu trên đất của các hộ dân, trong đó có cây cối hoa màu trên đất thửa đất số 134, thuộc tờ bản đồ số 30 ở thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Số cây trên diện tích đất tại thửa 134, tờ bản đồ số 30 nêu trên được bồi thường với số tiền 3.056.000đ. Số tiền này do tranh chấp giữa ông Hồ Văn Q với ông Huỳnh Văn M nên Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T tạm giữ để chờ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Khi Tòa án quyết định số tiền này thuộc quyền sở hữu của người nào thì Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T giao cho người đó.

Bản án dân sự sơ thẩm số *12/2022/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T quyết định:*

1. Đình chỉ yêu cầu của vợ chồng ông bà Hồ Văn Q – Phạm Thị H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với Huỳnh Văn M đối với diện tích đất tại thửa đất số 134, tờ bản đồ 30 ở thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông bà Hồ Văn Q – Phạm Thị H về việc được sở hữu giá trị ½ số cây Bạch đàn trắng trồng trên thửa số 134, tờ bản đồ 30 ở Th, B, T, Bình Định.

Bạch đàn trắng gồm 344 cây trồng trên thửa đất số 134, tờ bản đồ 30 có giá trị 79.720.459đ (đã trừ chi phí khai thác, vận chuyển – Theo kết quả Hội đồng định giá tài sản xác định ngày 01/6/2022) và số cây trồng trên đất được đền bù do kênh mương đi qua với số tiền 3.056.000đ (số tiền này hiện Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T tạm giữ). Tổng cộng 82.776.459đ, được chia 2: Ông Huỳnh Văn M được ½ với số tiền 41.388.229đ; vợ chồng ông bà Hồ Văn Q – Phạm Thị H được ½ với số tiền 41.388.229đ.

3. Buộc vợ chồng ông bà Hồ Văn Q – Phạm Thị H có nghĩa vụ giao toàn bộ số cây bạch đàn trồng trên thửa số 134, tờ bản đồ 30 ở thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định cho ông Huỳnh Văn M sở hữu.

4. Ông M phải thực hiện khai thác số cây Bạch đàn trong vòng 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật để giao diện tích đất tại thửa đất số 134, tờ bản đồ 30 ở thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định cho UBND xã B quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật.

5. Ông M có nghĩa vụ giao cho vợ chồng ông bà Hồ Văn Q – Phạm Thị H với số tiền 38.332.229đ và Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T có nghĩa vụ giao cho vợ chồng ông bà Hồ Văn Q – Phạm Thị H với số tiền 3.056.000đ.

6. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn M về việc buộc vợ chồng ông bà Hồ Văn Q – Phạm Thị H có nghĩa vụ giao tiếp cho ông số tiền 33.800.000đ.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 04/7/2022, ông Huỳnh Văn M gửi đơn kháng cáo không chấp nhận chia ½ giá trị bạch đàn trị giá 41.388.229đ cho vợ chồng ông Hồ Văn Q, bà Phạm Thị H và yêu cầu ông Q, bà H trả cho ông 33.800.000đ mà trước đây vợ chồng ông Q bà H đã bán cây nhưng chưa đưa cho ông.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã B, Ban quan lý dự án Đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Huỳnh Văn M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Số cây bạch đàn trồng trên thửa đất số 134, tờ bản đồ 30 ở thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định đang tranh chấp là do ông Huỳnh Văn M trồng năm 1989 đến năm 1990 thì ông M chuyển đi nơi khác sinh sống nên có giao lại cho vợ chồng ông Q bà H chăm sóc, quản lý cho đến nay. Sau nhiều lần khai thác thì cây nức nhánh tồn tại đến ngày nay là do công sức chăm sóc, quản lý của vợ chồng ông Q, bà H và hiện nay số cây Bạch Đàn này do vợ chồng ông Q bà H quản lý. Giá trị số cây bạch đàn tranh chấp là 82.776.459đ (sau khi trừ đi chi phí khai khác, vận chuyển và cộng số cây trồng trên đất được đền bù do kênh mương đi qua với số tiền 3.056.000đ Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T

đang tạm giữ). Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận vợ chồng ông Q, bà H được hưởng ½ giá trị và tuyên buộc vợ chồng ông Q, bà H có nghĩa vụ giao trả toàn bộ số cây bạch đàn trồng trên thửa đất số 134, tờ bản đồ 30 ở thôn Th, xã B, huyện T cho ông M sở hữu và ông M có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Q, bà H số tiền công chăm sóc, quản lý bằng ½ giá trị cây bạch đàn là 38.332.229đ và 3.056.000đ Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T đang tạm giữ là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông M chỉ chấp nhận trả công chăm sóc, quản lý cho vợ chồng ông Q bà H bằng 20% giá trị cây Bạch đàn là không có cơ sở.

[2.2] Ngoài ra ông Huỳnh Văn M còn phản tố yêu cầu vợ chồng ông Q, bà H phải trả cho ông số tiền mà ông Q, bà H tự ý khai thác và bán cho người khác tổng cộng ba lần 36.000.000đ, trừ số tiền đã đưa ông 2.200.000đ còn phải đưa tiếp cho ông số tiền 33.800.000đ. Nhưng ông M không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông và vợ chồng ông Q, bà H không thừa nhận nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông M là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên tại mục [2] xét thấy kháng cáo của ông Huỳnh Văn M là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn M là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 221, 224, 583 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hồ Văn Q, bà Phạm Thị H về việc được sở hữu giá trị ½ số cây Bạch đàn trắng trồng trên thửa số 134, tờ bản đồ 30 ở Th, B, T, Bình Định.

Giá trị số cây bạch đàn tranh chấp là 82.776.459đ (sau khi trừ đi chi phí khai khác, vận chuyển và cộng số cây trồng trên đất được đền bù do kênh mương đi qua với số tiền 3.056.000đ do Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T đang tạm giữ), được chia 2: Ông Huỳnh Văn M được ½ với số tiền 41.388.229đ; vợ chồng ông bà Hồ Văn Q – Phạm Thị H được ½ với số tiền 41.388.229đ.

3. Buộc vợ chồng ông Hồ Văn Q, bà Phạm Thị H có nghĩa vụ giao toàn bộ số cây bạch đàn trồng trên thửa số 134, tờ bản đồ 30 ở thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định cho ông Huỳnh Văn M sở hữu.

4. Ông Huỳnh Văn M có nghĩa vụ giao cho vợ chồng ông bà Hồ Văn Q – Phạm Thị H với số tiền 38.332.229đ và Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T có nghĩa vụ giao cho vợ chồng ông bà Hồ Văn Q – Phạm Thị H với số tiền 3.056.000đ.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn M về việc buộc vợ chồng ông bà Hồ Văn Q – Phạm Thị H có nghĩa vụ giao tiếp cho ông số tiền 33.800.000đ mà vợ chồng ông Q bà H bán cây Bạch đàn nhưng chưa giao cho ông.

6. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn M được miễn nộp

8. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

8.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

8.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Minh Dũng